

Sao y gửi TT HCM, UBND, Phòng TN-NL, UBND cũ và TT, trong TTĐT huyện; và gửi bản gốc
trang TTĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 970/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

| |
|----------------------|
| UBND & Văn phòng |
| Số: 34/2015 |
| ĐẾN Ngày: 09/11/2015 |
| Chuyển: |
| Lưu hồ sơ số: |

Về việc công bố 03 thủ tục hành chính mới, 01 thủ tục hành chính bãi bỏ trong
lĩnh vực đất đai, môi trường áp dụng tại UBND xã, phường, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các thủ tục hành chính đặc thù và liên thông trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính mới, 01 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai, môi trường áp dụng tại UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

- Nơi nhận:**
- Như Điều 2;
 - Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
 - UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi)
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



[Handwritten Signature]

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 970/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH |
|--------------------------------|---|
| I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI | |
| 1 | Thủ tục bình xét, lập danh sách đề nghị giao đất xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị |
| II. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG | |
| 1 | Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền) |
| 2 | Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản (trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền) |

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ TTHC |
|----------------------------|-----------------|--|---|
| LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG | | | |
| 1 | T-GLA-254633-TT | Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền | - Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 |

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thủ tục bình xét, lập danh sách đề nghị giao đất xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đối tượng theo quy định có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở nộp hồ sơ và bình xét tại UBND cấp xã.

UBND cấp xã lập danh sách và gửi kết quả bình xét cho UBND cấp huyện quyết định giao đất.

Bước 2: Đối tượng có tên trong danh sách được giao đất, nhận quyết định giao đất tại UBND cấp huyện.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Buổi sáng từ 7h00 - 11h00 và buổi chiều từ 13h00 - 17h00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã

c) Thành phần hồ sơ:

1. 01 đơn đề nghị giao đất làm nhà ở theo Biểu mẫu;

2. 01 bản sao có chứng thực các giấy tờ về tiêu chuẩn ưu tiên, các giấy tờ liên quan đến gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ...*(nếu có)*.

Trong một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được giao đất xây dựng nhà ở thu nhập thấp thì mỗi thành viên phải nộp đầy đủ các tài liệu quy định ở trên.

d) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

đ) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định

e) Đối tượng thực hiện TTHC:

1. Hộ độc thân: nam từ 45 tuổi trở lên, nữ từ 40 tuổi trở lên có thu nhập bình quân đầu người tương đương hệ số 3,0 trở xuống;

2. Hộ gia đình là Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (kể cả trường hợp đã được nghỉ theo chế độ quy định) có thu nhập bình quân đầu người tương đương hệ số 3,0 trở xuống;

3. Hộ gia đình người lao động thuộc các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (kể cả trường hợp đã được nghỉ theo chế độ quy định):

người lao động tự do, kinh doanh cá thể có thu nhập bình quân đầu người tương đương hệ số 3,0 trở xuống;

4. Lực lượng vũ trang địa phương có thu nhập bình quân đầu người tương đương hệ số 3,0 trở xuống;

5. Hộ nghèo và cận nghèo ở đô thị.

g) Cơ quan thực hiện TTHC:

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã.

3. Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan, tổ chức có liên quan.

h) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Danh sách đề nghị giao đất xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

i) Phí, lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị giao đất làm nhà ở thu nhập thấp

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

1. Đến thời điểm quyết định giao đất chưa có nhà ở, đất ở hoặc đã có sở hữu nhà là căn hộ chung cư với diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình dưới $5m^2$ sử dụng/người.

2. Chưa được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức, cụ thể là:

a) Chưa được Nhà nước giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Chưa được mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

c) Chưa được tặng nhà tình thương, tình nghĩa của các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp...

d) Chưa được Nhà nước hỗ trợ cải thiện nhà ở thông qua các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp có nhu cầu giao đất xây dựng nhà ở, phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Trường hợp đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, nếu chưa có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn thì phải có xác nhận của đơn vị nơi người đó đang công tác về chức vụ, thời gian công tác, thực trạng về nhà ở.

m) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 về việc ban hành Quy định về giao đất xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

Mẫu Đơn đề nghị giao đất làm nhà ở thu nhập thấp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2012
của UBND tỉnh Gia Lai)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT LÀM NHÀ Ở THU NHẬP THẤP

Kính gửi:

Tên tôi là:

CMND số, cấp ngày Nơi cấp:

Nghề nghiệp: Đang làm việc: Đã nghỉ chế độ:

Nơi làm việc/công tác:

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: Trong đó có: lao
động và người cần nuôi dưỡng gồm: Cha, mẹ, con
....., khác

Thu nhập bình quân là: triệu đồng/người/tháng

(Trường hợp trong gia đình nhiều thành viên có thu nhập ở các nơi khác nhau thì phải
có xác nhận của từng thành viên kèm theo đơn này)

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau:

Chưa có nhà ở, đất ở thuộc sở hữu của hộ

Có nhà ở chung cư nhưng diện tích bình quân dưới 5 m² sử dụng/người

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 lô đất ở thu nhập thấp theo hình thức:
..... tại dự án:

Tôi xin cam kết khi được giao đất sẽ sử dụng đúng mục đích, không chuyển nhượng
trong thời hạn 10 năm và chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử
dụng đất ở thu nhập thấp.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

Xác nhận Cơ quan, đơn vị
hoặc UBND xã, phường

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

II. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đại diện tổ chức, cá nhân có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình nằm trên địa bàn một (01) xã, trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc gửi qua đường bưu điện.

Bước 2: Cán bộ, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Bước 3: Đại diện tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã theo ngày hẹn (phiếu biên nhận) hoặc qua đường bưu điện.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Buổi sáng từ 7h00 - 11h00 và buổi chiều từ 13h00 - 17h00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ:

1. Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường với yêu cầu về cấu trúc và nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.6 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.

2. Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của chủ dự án.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp xã (Trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền)

g) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Cấu trúc và nội dung của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của UBND cấp xã theo phụ lục 5.6 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

i) Phí, lệ phí: không

k) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: dự án nằm trong danh mục dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của UBND cấp huyện; phải thực hiện và được xác nhận trước khi triển khai dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. (quy định tại điều 31 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014).

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định chi về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT.

CÁU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 (Địa điểm), ngày..... tháng năm 20.....

Kính gửi: (1)

Gửi đến (1) kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

- 1.1. Tên dự án, cơ sở (gọi chung là dự án):...
- 1.2. Tên chủ dự án: ...
- 1.3. Địa chỉ liên hệ: ...
- 1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...
- 1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ..).

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh

- 2.1. Địa điểm thực hiện dự án:.....
-
- 2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng
-
-
- 2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²):
- 2.5. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất:.....
-
-
- 2.6. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất (dầu, than, củi, gas, điện...)
-
-

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

| Yếu tố gây tác động | Tình trạng | | Biện pháp giảm thiểu | Tình trạng | |
|---------------------|------------|-------|----------------------------------|------------|-------|
| | Có | Không | | Có | Không |
| Khí thải từ các | | | Sử dụng phương tiện, máy móc thi | | |

| | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|
| phương tiện vận chuyển, máy móc thi công | | | công đã qua kiểm định | | |
| | | | Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm | | |
| | | | Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị | | |
| | | | Biện pháp khác: ... | | |
| Bụi | | | Cách ly, phun nước để giảm bụi | | |
| | | | Biện pháp khác: ... | | |
| Nước thải sinh hoạt | | | Thu gom, tự xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải) | | |
| | | | Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý | | |
| | | | Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực | | |
| | | | Biện pháp khác: | | |
| Nước thải xây dựng | | | Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải) | | |
| | | | Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực | | |
| | | | Biện pháp khác: ... | | |
| Chất thải rắn xây dựng | | | Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng | | |
| | | | Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm) | | |
| | | | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | | |
| | | | Biện pháp khác: ... | | |
| Chất thải rắn sinh hoạt | | | Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm) | | |
| | | | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | | |
| | | | Biện pháp khác: ... | | |
| Chất thải nguy hại | | | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | | |
| | | | Biện pháp khác: ... | | |
| Tiếng ồn | | | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị | | |
| | | | Bố trí thời gian thi công phù hợp | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Rung | | | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị | | |

| | | | | |
|--------------------|--|---|--|--|
| | | Bố trí thời gian thi công phù hợp | | |
| | | Biện pháp khác | | |
| Nước mưa chảy tràn | | Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường | | |
| | | Biện pháp khác | | |

IV. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động

| Yếu tố gây tác động | Tình trạng | | Biện pháp giảm thiểu | Tình trạng | |
|-------------------------------|------------|-------|---|------------|-------|
| | Có | Không | | Có | Không |
| Bụi và khí thải | | | Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói | | |
| | | | Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Nước thải sinh hoạt | | | Thu gom và tái sử dụng | | |
| | | | Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Nước thải sản xuất | | | Thu gom và tái sử dụng | | |
| | | | Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung | | |
| | | | Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận và quy chuẩn đạt được sau xử lý) | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Nước thải từ hệ thống làm mát | | | Thu gom và tái sử dụng | | |
| | | | Giải nhiệt và thải ra môi trường | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Chất thải rắn | | | Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng | | |
| | | | Tự xử lý | | |
| | | | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Chất thải nguy hại | | | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | | |
| | | | Biện pháp khác ... | | |
| Mùi | | | Lắp đặt quạt thông gió | | |
| | | | Biện pháp khác | | |

| | | | | | |
|--------------------|--|--|---|--|--|
| | | | ... | | |
| Tiếng ồn | | | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị | | |
| | | | Cách âm để giảm tiếng ồn | | |
| | | | Biện pháp khác | | |
| | | | ... | | |
| Nhiệt dư | | | Lắp đặt quạt thông gió | | |
| | | | Biện pháp khác | | |
| | | | ... | | |
| Nước mưa chảy tràn | | | Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường | | |
| | | | Biện pháp khác | | |

V. Cam kết

5.1. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

5.3. Chúng tôi/tôi đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung điền trong kế hoạch bảo vệ môi trường này./.

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu

(nếu có)

Ghi chú:

(1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;

(2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) ở trang cuối cùng.

2. Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản (trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đại diện tổ chức, cá nhân trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện đối với các trường hợp quy định tại Điều 10 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trừ các trường hợp:

- Cơ sở nằm trên địa bàn 02 huyện trở lên;
- Cơ sở nằm trên vùng biển có chất thải đưa vào địa bàn tỉnh xử lý;
- Cơ sở có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Bước 2: Cán bộ, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Bước 3: Đại diện tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo ngày hẹn (Phiếu biên nhận) hoặc qua đường bưu điện.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Buổi sáng từ 7h00 - 11h00 và buổi chiều từ 13h00 - 17h00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ:

1. Một (01) văn bản đăng ký đề án đơn giản của Chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT;

2. Ba (03) bản đề án đơn giản được đóng thành quyển, có bìa và trang phụ bìa theo mẫu quy định tại Phụ lục 14b kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT và một (01) bản được ghi trên đĩa CD; trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, chủ cơ sở có trách nhiệm gửi bổ sung số lượng bản đề án đơn giản theo

yêu cầu.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

e) Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp xã (trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền)

g) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản

i) Phí, lệ phí: Không

k) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT
ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v xác nhận đăng ký đề án
bảo vệ môi trường đơn giản
của ...(2)...

Kính gửi: ...(3)...

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., xin gửi đến ...(3)... ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị quý (3) sớm xem xét và cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...(6)...
- Lưu ...

...(5)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (3) Tên gọi của cơ quan xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường.
- (4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện
- (5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.

Nơi nhận khác (nếu có).

VĂN PHÒNG HĐND-UBND
HUYỆN CHƯ PRÔNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 98/SY-VP

Chư Prông, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- P.TNMT;
- Trang TTĐT huyện;
- UBND các xã, TT.

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Như Thông